

HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 3 KHÓA XIV: SỰ CHUYỂN BIẾN TRONG TƯ DUY LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN TRỊ QUỐC GIA THEO HƯỚNG KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN

✍️ **Luật gia, Nhà báo Đoàn Mạnh Phương**
Chủ tịch Viện Chính sách, Pháp luật và Quản lý
Tổng Biên tập Tạp chí Việt Nam Hội nhập

● **TÓM TẮT:** Hội nghị Trung ương 3 khóa XIV đánh dấu bước phát triển mới trong tư duy lãnh đạo và quản trị quốc gia của Đảng trước yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Bài viết phân tích những điểm mới về tư duy phát triển được thể hiện tại Hội nghị dưới góc nhìn quản trị quốc gia và hoàn thiện thể chế, tập trung làm rõ sự chuyển biến từ tư duy ban hành chủ trương sang đề cao hiệu quả thực thi chính sách và kết quả phục vụ người dân, doanh nghiệp. Đồng thời, bài viết phân tích các định hướng lớn về đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế biển và hiện đại hóa nền quản trị quốc gia. Qua đó cho thấy, giá trị nổi bật của Hội nghị không chỉ nằm ở các quyết sách mới mà còn ở sự đổi mới tư duy cầm quyền theo hướng kiến tạo phát triển, quản trị dựa trên kết quả và nâng cao trách nhiệm giải trình, góp phần hoàn thiện thể chế và xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả.

● **Từ khóa:** Hội nghị Trung ương 3 khóa XIV; quản trị quốc gia; Nhà nước kiến tạo phát triển; thực thi chính sách; đổi mới mô hình tăng trưởng; chuyển đổi số; hoàn thiện thể chế.

● **ABSTRACT:** The 3rd Plenary Meeting of the 14th Central Committee of the Communist Party of Vietnam marks a new stage in the Party's leadership thinking and national governance in response to the country's development requirements in the new era. This paper examines the emerging development-oriented thinking reflected in the Plenary from the perspectives of national governance and institutional reform, with a particular focus on the shift from an approach centered on issuing policy directives to one that emphasizes the effectiveness of policy implementation and the quality of public service delivery for citizens and businesses. The paper also analyzes major strategic orientations, including growth model transformation, the development of science, technology and innovation, digital transformation, marine economic development, and the modernization of national governance. The analysis demonstrates that the significance of the 3rd Plenary Meeting lies not only in the adoption of new policy decisions but also in the transformation of governance thinking toward a developmental state, results-based governance, and enhanced accountability. These orientations provide an important foundation for strengthening institutional quality and building a modern, effective, and efficient system of national governance.

● **Keywords:** 3rd Plenary Meeting of the 14th Central Committee; national governance; developmental state; policy implementation; growth model transformation; digital transformation; institutional reform.

Ngày nhận bài: 03/7/2026 - Ngày bình duyệt: 28/7/2026 - Ngày duyệt đăng: 10/8/2026

Trong tiến trình đổi mới đất nước, các Hội nghị Trung ương của Ban Chấp hành Trung ương Đảng luôn giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hoạch định đường lối, hoàn thiện chủ trương và định hướng phát triển quốc gia. Mỗi kỳ Hội nghị không chỉ phản ánh sự phát triển trong tư duy lý luận của Đảng mà còn thể hiện khả năng nhận diện những yêu cầu mới của thực tiễn, từ đó đề ra các quyết sách nhằm tạo động lực cho phát triển nhanh và bền vững. Trong điều kiện thế giới đang bước vào giai đoạn cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, đổi mới sáng tạo và khoa học - công nghệ trở thành những yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh quốc gia, việc tiếp tục đổi mới tư duy lãnh đạo và phương thức quản trị quốc gia trở thành yêu cầu có ý nghĩa chiến lược đối với Việt Nam.

Hội nghị Trung ương 3 khóa XIV diễn ra trong bối cảnh đất nước đã bước sang một giai đoạn phát triển mới với những mục tiêu và yêu cầu cao hơn về chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia, hiệu lực quản trị và khả năng thích ứng trước những biến động nhanh chóng của môi trường quốc tế. Đây cũng là thời điểm toàn hệ thống chính trị tập trung triển khai các định hướng lớn của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, tiếp tục hoàn thiện thể chế phát triển, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số như những động lực chủ yếu thúc đẩy phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Điểm nổi bật của Hội nghị Trung ương 3 khóa XIV không chỉ nằm ở các nghị quyết và kết luận được thông qua, mà quan trọng hơn là sự thể hiện rõ nét bước phát triển trong tư duy lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng. Nếu trong những giai đoạn trước, trọng tâm chủ yếu là hoạch định chủ trương và ban hành chính sách thì hiện nay yêu cầu được đặt ra ở mức cao hơn: mọi chủ trương phải được cụ thể hóa thành chương trình hành động khả thi, được tổ chức thực

hiện quyết liệt và được đánh giá bằng những kết quả phát triển cụ thể. Tinh thần đó phản ánh sự chuyển dịch từ tư duy coi trọng quá trình xây dựng chính sách sang tư duy đề cao hiệu quả thực thi, lấy kết quả phục vụ nhân dân, hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội và năng lực kiến tạo của bộ máy nhà nước làm thước đo chất lượng lãnh đạo và quản trị.

Sự chuyển biến này không chỉ phù hợp với yêu cầu xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển và nền quản trị quốc gia hiện đại, mà còn thể hiện bước phát triển trong nhận thức lý luận của Đảng về mối quan hệ giữa hoạch định chính sách và tổ chức thực hiện chính sách. Trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, khi chất lượng thể chế và năng lực thực thi trở thành yếu tố quyết định sức cạnh tranh của mỗi quốc gia, việc chuyển từ tư duy “ban hành nghị quyết” sang tư duy “kiến tạo phát triển” không đơn thuần là sự thay đổi về phương thức lãnh đạo, mà còn là yêu cầu khách quan nhằm hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia phát triển có thu nhập cao vào giữa thế kỷ XXI theo mục tiêu Đại hội XIII của Đảng đã xác định.

1. THỰC THI CHÍNH SÁCH TRỞ THÀNH THƯỚC ĐO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ QUỐC GIA

Một trong những điểm nhấn có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc của Hội nghị Trung ương 3 khóa XIV là sự khẳng định rõ hơn yêu cầu lấy hiệu quả thực thi chính sách và sự hài lòng của nhân dân làm tiêu chí đánh giá chất lượng lãnh đạo, quản lý và điều hành. Trong phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh yêu cầu mọi chủ trương, nghị quyết sau khi được ban hành phải nhanh chóng được cụ thể hóa thành chương trình hành động, tổ chức thực hiện đồng bộ và tạo ra những kết quả phát triển cụ thể, có thể đo lường, đánh giá bằng thực tiễn. Quan điểm này thể hiện bước phát triển mới trong tư duy cầm quyền của Đảng, đồng thời phản ánh xu hướng tiếp cận hiện đại đối với quản trị quốc gia, trong đó năng

lực thực thi được đặt ở vị trí trung tâm của quá trình hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách.

Trong khoa học quản trị công hiện đại, chất lượng của một chính sách không chỉ được đánh giá ở tính đúng đắn của mục tiêu hay sự hoàn chỉnh của hệ thống văn bản, mà còn được quyết định bởi khả năng chuyển hóa các quyết định chính trị thành kết quả phát triển thực tế. Các mô hình quản trị dựa trên kết quả (Results-Based Management) và quản trị công mới (New Public Management) đều nhấn mạnh rằng hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước cần được đánh giá thông qua các chỉ số đầu ra, tác động xã hội và mức độ đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp, thay vì chỉ căn cứ vào số lượng văn bản được ban hành hoặc mức độ tuân thủ quy trình hành chính. Điều này cho thấy khoảng cách giữa hoạch định chính sách và thực thi chính sách chính là yếu tố quyết định thành công hay thất bại của quá trình quản trị quốc gia.

Đối với Việt Nam, yêu cầu đổi mới tư duy từ “quản lý bằng văn bản” sang “quản trị bằng kết quả” có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới. Sau gần bốn thập kỷ đổi mới, hệ thống thể chế ngày càng được hoàn thiện, song thực tiễn cũng cho thấy không ít chủ trương, chính sách khi triển khai vẫn còn chậm được cụ thể hóa, hiệu quả thực thi chưa đồng đều giữa các cấp, các ngành và địa phương. Chính vì vậy, việc lấy kết quả thực hiện làm thước đo năng lực lãnh đạo không chỉ tạo động lực nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức mà còn góp phần hình thành văn hóa quản trị hướng tới hiệu quả, minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Quan điểm này cũng hoàn toàn phù hợp với tinh thần của Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, trong đó nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, phục vụ nhân dân, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng thực thi pháp luật. Đây là một bước chuyển

quan trọng từ tư duy coi trọng đầu vào sang tư duy quản trị dựa trên kết quả đầu ra; từ việc đánh giá hoạt động của bộ máy thông qua quy trình sang đánh giá bằng giá trị mà chính sách mang lại cho xã hội. Cách tiếp cận này cũng phản ánh bản chất của Nhà nước kiến tạo phát triển, trong đó mọi hoạt động của bộ máy công quyền đều hướng tới mục tiêu phục vụ người dân, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp và tạo lập môi trường thuận lợi cho tăng trưởng bền vững.

Kinh nghiệm của nhiều quốc gia có nền quản trị tiên tiến cho thấy, năng lực cạnh tranh quốc gia không chỉ phụ thuộc vào chất lượng của các quyết sách chiến lược mà còn được quyết định bởi năng lực tổ chức thực hiện và khả năng chuyển hóa chính sách thành động lực phát triển. Vì vậy, trong bối cảnh Việt Nam đang đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở mức cao gắn với phát triển nhanh và bền vững, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế sâu rộng, việc coi thực thi chính sách là thước đo năng lực lãnh đạo không chỉ là yêu cầu trước mắt mà còn là định hướng có ý nghĩa lâu dài đối với quá trình hiện đại hóa nền quản trị quốc gia. Đây cũng chính là nền tảng để xây dựng một bộ máy nhà nước hoạt động hiệu lực, hiệu quả, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ, qua đó hiện thực hóa các mục tiêu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

2. ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG – LỰA CHỌN CHIẾN LƯỢC TRONG GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN MỚI

Một trong những định hướng quan trọng được Hội nghị Trung ương 3 khóa XIV tiếp tục khẳng định là đẩy mạnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng lấy khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao làm những động lực chủ yếu của nền kinh tế. Đây không chỉ là sự kế thừa nhất quán quan điểm phát triển đã được xác lập trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng mà còn phản ánh sự thích ứng kịp thời trước những biến đổi sâu sắc của kinh tế thế giới trong bối cảnh Cách mạng công

ngành lần thứ tư đang làm thay đổi căn bản phương thức sản xuất, quản trị và cạnh tranh giữa các quốc gia.

Sau gần bốn thập kỷ đổi mới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng về tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế và nâng cao đời sống nhân dân. Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy các động lực tăng trưởng truyền thống như khai thác tài nguyên thiên nhiên, lợi thế lao động chi phí thấp và mở rộng đầu tư theo chiều rộng đang dần bộc lộ những giới hạn. Năng suất lao động mặc dù có cải thiện nhưng vẫn còn khoảng cách đáng kể so với nhiều quốc gia trong khu vực; chất lượng tăng trưởng, hiệu quả sử dụng nguồn lực và năng lực đổi mới sáng tạo vẫn là những thách thức cần được giải quyết để bảo đảm phát triển nhanh và bền vững. Trong khi đó, xu thế cạnh tranh toàn cầu đang chuyển mạnh từ cạnh tranh về nguồn lực sang cạnh tranh về tri thức, công nghệ, chất lượng thể chế và năng lực đổi mới sáng tạo. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hình thành các động lực tăng trưởng mới có khả năng tạo ra giá trị gia tăng cao, nâng cao năng suất và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Điểm đáng chú ý trong tư duy phát triển được thể hiện tại Hội nghị Trung ương 3 khóa XIV là việc đổi mới mô hình tăng trưởng không còn được nhìn nhận đơn thuần như một nhiệm vụ của lĩnh vực kinh tế, mà được đặt trong tổng thể quá trình hoàn thiện thể chế phát triển và hiện đại hóa quản trị quốc gia. Cách tiếp cận này phản ánh nhận thức ngày càng toàn diện về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với chất lượng thể chế, năng lực quản trị và hiệu quả thực thi chính sách. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế sâu rộng, năng lực cạnh tranh của một quốc gia không chỉ được quyết định bởi quy mô nguồn lực mà còn phụ thuộc vào khả năng xây dựng một môi trường thể chế minh bạch, ổn định, có tính dự báo cao và đủ sức khuyến khích đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp và thu hút các nguồn lực đầu tư chất lượng cao.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, những

quốc gia thành công trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng đều dựa trên ba trụ cột cơ bản: phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng hệ thống thể chế hiện đại, minh bạch và hiệu quả; đồng thời phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế tri thức. Đây cũng là những nội dung được nhiều tổ chức quốc tế như OECD, Ngân hàng Thế giới (World Bank) và Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) xác định là nền tảng của năng lực cạnh tranh quốc gia trong kỷ nguyên số. Vì vậy, việc Hội nghị Trung ương 3 khóa XIV tiếp tục nhấn mạnh vai trò của khoa học - công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo không chỉ thể hiện sự nhất quán trong đường lối phát triển của Đảng mà còn cho thấy sự chủ động tiếp cận các xu thế phát triển hiện đại của thế giới.

Trong bối cảnh đó, cải cách thể chế tiếp tục giữ vai trò là điều kiện tiên quyết để tạo lập động lực tăng trưởng mới. Một hệ thống thể chế minh bạch, ổn định, bảo đảm quyền tài sản, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh và khuyến khích đổi mới sáng tạo sẽ tạo môi trường thuận lợi để doanh nghiệp đầu tư, ứng dụng công nghệ mới và nâng cao năng suất lao động. Đồng thời, quá trình chuyển đổi số quốc gia cần được triển khai đồng bộ với cải cách thủ tục hành chính, phát triển hạ tầng số, dữ liệu số và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm hình thành nền kinh tế số và xã hội số. Đây cũng là những yêu cầu quan trọng đã được Đảng xác định trong các nghị quyết về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Có thể khẳng định, đổi mới mô hình tăng trưởng theo định hướng được Hội nghị Trung ương 3 khóa XIV xác lập không chỉ là giải pháp nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn mà còn là chiến lược phát triển dài hạn, hướng tới nâng cao chất lượng tăng trưởng, tăng năng suất lao động, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế và từng bước đưa Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Đây cũng là con đường căn bản để hiện thực hóa mục tiêu xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với

hội nhập quốc tế sâu rộng, đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững và trở thành quốc gia phát triển có thu nhập cao vào giữa thế kỷ XXI theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

3. PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN – HIỆN THỰC HÓA TƯ DUY PHÁT TRIỂN XANH VÀ BỀN VỮNG

Trong tổng thể định hướng đổi mới mô hình tăng trưởng, Hội nghị Trung ương 3 khóa XIV tiếp tục khẳng định phát triển kinh tế biển là một trong những động lực chiến lược nhằm tạo dựng không gian phát triển mới cho đất nước. Đây không chỉ là sự kế thừa quan điểm nhất quán của Đảng về phát huy tiềm năng, lợi thế biển theo tinh thần Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, mà còn thể hiện bước phát triển mới trong tư duy phát triển, chuyển từ khai thác đơn ngành sang quản trị tổng hợp tài nguyên và không gian biển theo hướng xanh, bền vững và có khả năng thích ứng trước những biến động của môi trường toàn cầu.

Với hơn 3.260 km bờ biển, vùng đặc quyền kinh tế rộng lớn cùng vị trí nằm trên các tuyến hàng hải quốc tế quan trọng, biển luôn là lợi thế chiến lược của Việt Nam trong phát triển kinh tế và mở rộng không gian hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, trong bối cảnh biến đổi khí hậu, nước biển dâng, suy giảm tài nguyên, ô nhiễm môi trường biển và sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt về địa kinh tế, địa chính trị trên các vùng biển, việc phát triển kinh tế biển không thể tiếp tục dựa chủ yếu vào khai thác tài nguyên theo chiều rộng mà cần chuyển mạnh sang mô hình tăng trưởng dựa trên tri thức, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và quản trị hiện đại.

Điểm mới trong tư duy được thể hiện tại Hội nghị Trung ương 3 khóa XIV là cách tiếp cận kinh tế biển như một hệ sinh thái phát triển tổng hợp, trong đó các ngành, lĩnh vực có mối liên kết hữu cơ và hỗ trợ lẫn nhau nhằm tối ưu hóa hiệu quả khai thác tài nguyên, đồng thời bảo đảm phát triển bền vững. Theo đó, phát triển hệ thống cảng biển

và logistics hiện đại, công nghiệp biển, năng lượng tái tạo ngoài khơi, dịch vụ hàng hải, kinh tế số trên biển, nuôi trồng và khai thác thủy sản theo hướng bền vững, cùng với du lịch biển chất lượng cao cần được triển khai đồng bộ trên nền tảng quy hoạch không gian biển thống nhất và quản trị tài nguyên biển hiệu quả. Cách tiếp cận này phản ánh sự chuyển dịch từ phát triển theo từng ngành riêng lẻ sang phát triển đa ngành, đa mục tiêu và dựa trên liên kết vùng, phù hợp với xu hướng quản trị biển hiện đại của nhiều quốc gia trên thế giới.

Quan điểm phát triển kinh tế biển mà Hội nghị Trung ương 3 khóa XIV đặt ra cũng thể hiện sự thống nhất giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế với yêu cầu bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đây là những trụ cột không thể tách rời trong chiến lược phát triển bền vững quốc gia. Thực tiễn quốc tế cho thấy, mô hình «kinh tế biển xanh» (Blue Economy) đang trở thành xu hướng chủ đạo, hướng tới khai thác hợp lý tài nguyên biển, giảm phát thải carbon, bảo tồn hệ sinh thái biển và nâng cao khả năng chống chịu trước các rủi ro môi trường. Đối với Việt Nam, việc tiếp cận theo mô hình này không chỉ góp phần thực hiện các cam kết quốc tế về phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu mà còn tạo nền tảng để nâng cao chất lượng tăng trưởng, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển các ngành kinh tế có giá trị gia tăng cao.

Trong bối cảnh khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tiếp tục giữ vai trò là trung tâm tăng trưởng năng động của kinh tế toàn cầu, phát triển kinh tế biển còn mang ý nghĩa chiến lược trong việc nâng cao vị thế địa kinh tế và năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam. Một nền kinh tế biển phát triển hiện đại, dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và quản trị hiệu quả sẽ không chỉ mở rộng không gian phát triển mới, thúc đẩy thương mại và đầu tư quốc tế, mà còn tạo cơ sở quan trọng để tăng cường khả năng kết nối khu vực, bảo đảm lợi ích quốc gia trên biển và củng cố nền tảng cho phát triển

nhanh, bền vững trong giai đoạn mới. Đây cũng chính là sự cụ thể hóa tư duy phát triển lấy đổi mới sáng tạo, tăng trưởng xanh và quản trị hiện đại làm động lực chủ yếu, như tinh thần xuyên suốt được Hội nghị Trung ương 3 khóa XIV xác lập.

4. HIỆN ĐẠI HÓA QUẢN TRỊ QUỐC GIA – ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC THI HIỆU QUẢ CÁC ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

Nếu đổi mới mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế biển mở ra những động lực mới cho phát triển đất nước, thì việc hoàn thiện thể chế và hiện đại hóa nền quản trị quốc gia chính là điều kiện quyết định để các định hướng chiến lược đó được tổ chức thực hiện hiệu quả. Đây cũng là một trong những thông điệp xuyên suốt được thể hiện tại Hội nghị Trung ương 3 khóa XIV, khi các quyết sách về phát triển kinh tế luôn được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với yêu cầu tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và xây dựng nền hành chính hiện đại.

Sau quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy với quy mô lớn theo các chủ trương của Trung ương, việc xác định chưa tiếp tục sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã trong thời gian tới cho thấy tư duy quản trị ngày càng thận trọng, khoa học và thực chất. Điều đó phản ánh nhận thức rằng cải cách tổ chức bộ máy không phải là mục tiêu tự thân, mà là phương tiện nhằm nâng cao chất lượng quản trị và hiệu quả phục vụ nhân dân. Giá trị của một cuộc cải cách không được đo bằng số lượng đầu mối được cắt giảm hay quy mô sắp xếp tổ chức, mà phải được đánh giá thông qua khả năng vận hành ổn định của bộ máy mới, chất lượng cung ứng dịch vụ công và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Quan điểm này cũng phù hợp với xu hướng quản trị công hiện đại, trong đó hiệu lực của bộ máy nhà nước không chỉ phụ thuộc vào quy mô tổ chức mà trước hết được quyết định bởi chất lượng thể chế, năng lực đội ngũ cán bộ và hiệu quả phối hợp giữa các cấp, các ngành. Vì vậy, tinh gọn bộ máy cần được thực hiện đồng thời với việc tiếp

tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khu vực công, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình. Chỉ khi quyền hạn đi đôi với trách nhiệm, tính chủ động của chính quyền các cấp mới thực sự được phát huy, qua đó nâng cao hiệu quả thực thi chính sách và chất lượng quản trị quốc gia.

Một nội dung đặc biệt quan trọng được Hội nghị Trung ương 3 khóa XIV tiếp tục nhấn mạnh là thúc đẩy chuyển đổi số như nền tảng của nền quản trị hiện đại. Trong bối cảnh dữ liệu trở thành nguồn lực chiến lược của quốc gia, việc xây dựng hạ tầng số đồng bộ, kết nối các cơ sở dữ liệu, số hóa quy trình quản lý và phát triển dịch vụ công trực tuyến không chỉ góp phần giảm chi phí hành chính, nâng cao tính minh bạch và khả năng giám sát của xã hội mà còn tạo điều kiện để hình thành phương thức quản trị dựa trên dữ liệu (data-driven governance). Đây là xu hướng đang được nhiều quốc gia phát triển triển khai nhằm nâng cao chất lượng hoạch định chính sách, tối ưu hóa việc phân bổ nguồn lực và cải thiện chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Bên cạnh đổi mới tổ chức bộ máy và chuyển đổi số, Hội nghị Trung ương 3 khóa XIV còn cho thấy sự coi trọng ngày càng rõ nét đối với vai trò của khoa học, thực tiễn và phản biện chính sách trong quá trình hoạch định và thực thi các quyết sách phát triển. Những định hướng lớn như đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, kinh tế biển hay tăng trưởng xanh đều phản ánh sự tiếp thu ngày càng đầy đủ hơn các kết quả nghiên cứu khoa học, kinh nghiệm quản trị quốc tế, ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp và thực tiễn phát triển của đất nước. Điều này cho thấy quá trình xây dựng chính sách đang từng bước chuyển từ cách tiếp cận chủ yếu dựa trên kinh nghiệm sang phương thức hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng (evidence-based policymaking), phù hợp với yêu cầu của nền quản trị quốc gia hiện đại.

Trong điều kiện môi trường phát triển

biến động nhanh và ngày càng khó dự báo, chất lượng của chính sách công không chỉ phụ thuộc vào tính đúng đắn của chủ trương mà còn được quyết định bởi cơ sở khoa học của quá trình xây dựng chính sách, chất lượng đánh giá tác động và khả năng điều chỉnh kịp thời trong quá trình thực hiện. Chính vì vậy, việc tăng cường nghiên cứu khoa học, mở rộng cơ chế phản biện xã hội, tham vấn chuyên gia và thiết lập hệ thống theo dõi, đánh giá chính sách thường xuyên cần được coi là yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao chất lượng quản trị quốc gia. Đây cũng là nền tảng để các chủ trương lớn của Đảng được chuyển hóa thành những kết quả phát triển cụ thể, góp phần xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch và phục vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của đất nước trong giai đoạn mới.

5. HIỆU QUẢ THỰC TIỄN – THƯỚC ĐO CỦA NĂNG LỰC CẨM QUYỀN VÀ QUẢN TRỊ QUỐC GIA

Lịch sử phát triển của nhiều quốc gia cho thấy, sự thành công của một quốc gia không được quyết định bởi số lượng chiến lược, chương trình hay nghị quyết được ban hành, mà trước hết phụ thuộc vào năng lực tổ chức thực hiện và khả năng chuyển hóa các quyết sách thành những giá trị phát triển cụ thể. Trong quản trị quốc gia hiện đại, chất lượng của thể chế chỉ thực sự được khẳng định khi các chính sách tạo ra những thay đổi tích cực đối với đời sống kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp và củng cố niềm tin của xã hội đối với bộ máy nhà nước. Chính vì vậy, hiệu quả thực tiễn luôn là tiêu chí phản ánh đầy đủ nhất năng lực lãnh đạo, quản lý và quản trị của một quốc gia.

Đối với Việt Nam, yêu cầu đó càng có ý nghĩa đặc biệt trong bối cảnh đất nước đang bước vào giai đoạn phát triển mới với mục tiêu đến năm 2045 trở thành quốc gia phát triển, có thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa như Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định. Hiện thực hóa khát vọng phát triển đó đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy

cẩm quyền và phương thức quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp và lấy hiệu quả phục vụ làm trung tâm. Theo đó, cải cách thể chế phải gắn chặt với cải cách hành chính; đổi mới tư duy phải đi đôi với đổi mới phương thức tổ chức thực hiện; phân cấp, phân quyền phải được đặt trong khuôn khổ kiểm soát quyền lực, trách nhiệm giải trình và giám sát hiệu quả; đồng thời mọi chính sách cần được đánh giá bằng những kết quả cuối cùng mà người dân, doanh nghiệp và xã hội được thụ hưởng.

Từ góc độ đó có thể thấy, giá trị nổi bật của Hội nghị Trung ương 3 khóa XIV không chỉ nằm ở những quyết sách quan trọng được thông qua, mà sâu xa hơn là sự thể hiện ngày càng rõ nét của một triết lý quản trị quốc gia mới, trong đó hiệu quả thực thi được đặt ở vị trí trung tâm của toàn bộ quá trình lãnh đạo, quản lý và điều hành. Sự chuyển dịch từ tư duy quản lý sang tư duy kiến tạo phát triển; từ coi trọng quy trình hành chính sang đề cao kết quả thực hiện; từ quản lý theo đầu vào sang quản trị theo đầu ra; từ nền hành chính quản lý sang nền hành chính phục vụ đã phản ánh bước phát triển mới trong nhận thức lý luận và thực tiễn cầm quyền của Đảng trước yêu cầu phát triển đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số.

Quan trọng hơn, sự chuyển biến về tư duy đó đang tạo tiền đề để hình thành một mô hình quản trị quốc gia hiện đại, trong đó mỗi nghị quyết đều phải được cụ thể hóa bằng chương trình hành động khả thi; mỗi chính sách đều phải được tổ chức thực hiện với cơ chế theo dõi, đánh giá và điều chỉnh kịp thời; mỗi cấp chính quyền đều được đánh giá bằng chất lượng phục vụ và hiệu quả quản trị; mỗi cán bộ, công chức đều được đo lường bằng kết quả thực hiện nhiệm vụ và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Đây không chỉ là yêu cầu đối với hoạt động quản lý nhà nước mà còn là điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng thể chế, củng cố niềm tin xã hội và tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh phát triển mới.

Nhìn một cách tổng thể, Hội nghị Trung ương 3 khóa XIV đã khẳng định sự tiếp nối

và phát triển tư duy lãnh đạo của Đảng theo hướng ngày càng coi trọng chất lượng thực thi, hiệu quả quản trị và năng lực kiến tạo phát triển. Từ đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy kinh tế biển xanh, chuyển đổi số đến tiếp tục hoàn thiện thể chế và hiện đại hóa nền hành chính, các định hướng lớn của Hội nghị đều hướng tới mục tiêu chung là xây dựng một nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, minh bạch và phục vụ. Đây không chỉ là yêu cầu của quá trình phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay

mà còn là nền tảng quan trọng để hiện thực hóa khát vọng xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, hùng cường và thịnh vượng vào giữa thế kỷ XXI. Muốn vậy, điều cốt lõi là phải tiếp tục duy trì sự thống nhất giữa tư duy chiến lược và năng lực tổ chức thực hiện, giữa đổi mới thể chế và đổi mới quản trị, giữa mục tiêu phát triển với hiệu quả phục vụ nhân dân. Đó cũng chính là giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc mà Hội nghị Trung ương 3 khóa XIV đặt ra đối với tiến trình xây dựng và phát triển đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2018). *Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*. Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2022). *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*. Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*. Hà Nội.
4. Chính phủ (2022). *Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*. Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập II. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
7. Evans, P. (1995). *Embedded Autonomy: States and Industrial Transformation*. Princeton, NJ: Princeton University Press.
8. Fukuyama, F. (2014). *Political Order and Political Decay: From the Industrial Revolution to the Globalization of Democracy*. New York: Farrar, Straus and Giroux.
9. Johnson, C. (1982). *MITI and the Japanese Miracle: The Growth of Industrial Policy, 1925–1975*. Stanford, CA: Stanford University Press.
10. OECD (2015). *Policy Shaping and Policy Making: The Governance of Inclusive Growth*. Paris: OECD Publishing.
11. OECD (2017). *Recommendation of the Council on Open Government*. Paris: OECD Publishing.
12. OECD (2020). *Building Capacity for Evidence-Informed Policy Making: Lessons from Country Experiences*. Paris: OECD Publishing.
13. Osborne, D., & Gaebler, T. (1992). *Reinventing Government: How the Entrepreneurial Spirit is Transforming the Public Sector*. Reading, MA: Addison-Wesley.
14. Pollitt, C., & Bouckaert, G. (2017). *Public Management Reform: A Comparative Analysis – Into the Age of Austerity* (4th ed.). Oxford: Oxford University Press.
15. Pressman, J. L., & Wildavsky, A. (1984). *Implementation: How Great Expectations in Washington Are Dashed in Oakland* (3rd ed.). Berkeley: University of California Press.
16. United Nations Development Programme (UNDP). (2009). *Handbook on Planning, Monitoring and Evaluating for Development Results*. New York: UNDP.
17. World Bank (2017). *World Development Report 2017: Governance and the Law*. Washington, DC: World Bank.
18. World Economic Forum (2020). *The Global Competitiveness Report: Special Edition 2020 – How Countries are Performing on the Road to Recovery*. Geneva: World Economic Forum.
19. World Bank (2021). *Competition and Firm Recovery Post-COVID-19: The Role of Competition Policy in Building Back Better*. Washington, DC: World Bank.